

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỌ XUÂN  
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2025/DS-ST  
Ngày: 20 - 6 - 2025  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Minh Tiến

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Bà Đỗ Thị Phương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13A/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2025/QĐST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

**1. Công ty Cổ phần M1 (Mars)**

Địa chỉ: Tầng A, tòa nhà V, số I D, phường D, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T, Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Tất Đ, Sinh năm: 1995

Địa chỉ: Tầng C, tòa nhà T, lô B - 29 đại lộ L, phường L, thành phố T. Có mặt.

(Theo Văn bản ủy quyền số 02/2024/UQ-GĐ ngày 19/4/2024 và Văn bản ủy quyền số 2807/2024/UQ-MARS (VPB) ngày 15/11/2024).

**2. Ngân hàng TMCP V1 (V2)**

Địa chỉ: Tòa V, số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Tổng Thị L, Sinh năm: 1989

Địa chỉ: Tầng C, tòa nhà T, lô B - 29 đại lộ L, phường L, thành phố T. Có mặt.

(Theo Văn bản ủy quyền số 38<sup>a</sup>/2024/UQN-CTQT ngày 01/6/2024 và Văn bản ủy quyền số 283/2024/UQ-MARS (VPB) ngày 15/11/2024).

- **Bị đơn:** Ông **Lê Văn V**, Sinh năm: 1992;

Địa chỉ: Xóm E, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty cổ phần M1 và Ngân hàng TMCP V1 (V2) trình bày:*

Theo (các) Hợp đồng cho vay ký giữa V2 với ông Lê Văn V. Ông V đã có quan hệ tín dụng với V2, cụ thể theo (các) Hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng cho vay số LN2110114479630 ngày 15/10/2021, số tiền cho vay: 490.000.000 đồng. Thời hạn vay: 120 tháng. Lãi suất tại thời điểm giải ngân là: 8,5%/năm; Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn mở rộng/ phát triển kinh doanh buôn bán thức ăn chăn nuôi. Các kỳ trả nợ gốc: Bên vay phải trả nợ gốc định kỳ 1 tháng/lần vào ngày 15, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15/11/2021, số tiền nợ gốc phải trả mỗi kỳ là 4.085.000 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả 3.885.000 đồng; các kỳ nợ lãi: phải trả tiền lãi định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 15/11/2021.

- Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ1 ký ngày 06/10/2021, hạn mức sử dụng thẻ: 20.000.000 đồng.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 26b, tờ bản đồ số 27, tại địa chỉ: Thôn E, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 069816, Sổ vào sổ cấp GCN: CH01666 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 10/06/2016. Theo Hợp đồng thế chấp số LN2110114479630 Số công chứng 10225, quyển số 04/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 15/10/2021 tại Văn phòng C. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản bảo đảm cho khoản vay.

Sau khi ký kết hợp đồng Ngân hàng TMCP V1 (V2) đã giải ngân cho ông Lê Văn V theo quy định.

Ngày 30/09/2024, Ngân hàng TMCP V1 (V2) và Công ty Cổ phần M1 (M1) đã ký các Hợp đồng mua bán nợ và Phụ lục đính kèm giữa Ngân hàng TMCP V1 (V2) với Công ty cổ phần M1. Theo đó, V2 đồng ý bán và M đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng vay là ông Lê Văn V bao gồm các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay mà ông Lê Văn V đã ký kết với V2. Cụ thể:

- Một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo các Hợp đồng cho vay số LN2110114479630 ngày 15/10/2021.

- Toàn bộ (100%) khoản nợ phát sinh theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ1 ký ngày 06/10/2021.

Quá trình thực hiện Hợp đồng cho vay: Ông Lê Văn V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V2, nên từ ngày 15/06/2024 ông V phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký. Tạm tính đến ngày 20/06/2025, Ông Lê Văn V mới thanh toán được tổng số tiền nợ là: 163.563.663 đồng, Trong đó, trả nợ gốc: 82.424.974 đồng, trả nợ lãi: 81.138.689 đồng. Công ty Cổ phần M1 và Ngân hàng V2 đã nhiều lần đôn đốc thu hồi nợ, nhưng ông V không hợp tác giải quyết. Vì vậy, Công ty Cổ phần M1 và Ngân hàng V2 đã đồng khởi kiện ông Lê Văn V ra Tòa án, đề nghị giải quyết các nội dung sau đây:

- Buộc Ông Lê Văn V phải thanh toán cho Công ty Cổ phần M1 và Ngân hàng V2 tổng số tiền tạm tính đến ngày 20/06/2025 là: 560.734.166 đồng, Trong đó: Nợ gốc: 407.575.026 đồng, N lãi trong hạn: 53.231.424 đồng, N lãi quá hạn 73.876.044 đồng; Nợ thẻ tín dụng: 26.051.672 đồng. Cụ thể:

- + Ông Lê Văn V phải thanh toán cho Công ty Cổ phần M1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 20/06/2025 là: 507.265.915 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 366.817.523 đồng, N lãi trong hạn: 47.908.281 đồng, N lãi quá hạn 66.488.439 đồng; Nợ thẻ tín dụng: 26.051.672 đồng.

- + Ông Lê Văn V phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V1 (V2) tổng số tiền tạm tính đến ngày 20/06/2025 là: 53.468.251 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 40.757.503 đồng, N lãi trong hạn: 5.323.143 đồng, Nợ lãi quá hạn 7.387.605 đồng.

- Đề nghị Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong (các) Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ (nếu có) và văn bản tín dụng của khoản vay cho đến ngày ông Lê Văn V thực tế thanh toán hết nợ cho M và V2. Lãi phát sinh phải trả cho M và V2 tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ.

- Kể từ ngày Bản án/Quyết định có hiệu lực pháp luật mà ông Lê Văn V không trả nợ đầy đủ cho M và V2 thì M và V2 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ, cụ thể: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 26b, tờ bản đồ số 27, tại địa chỉ: Thôn E, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 069816, Sổ vào sổ

cấp GCN: CH01666 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 10/06/2016. Theo Hợp đồng thế chấp số LN2110114479630 Số công chứng 10225, quyền số 04/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 15/10/2021 tại Văn phòng C. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản bảo đảm cho khoản vay.

- Trong trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, M và V2 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của ông Lê Văn V để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho M và/hoặc V2 cho đến khi thực tế trả hết (các) khoản nợ.

*Tại bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là ông Lê Văn V trình bày:*

Vào tháng 10/2021 ông V có ký hợp đồng tín dụng vay vốn với số tiền gốc 490.000.000 đồng và ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng hạn mức 20.000.000 đồng với ngân hàng V2, tại Phòng G. Tài sản thế chấp là thửa đất số 26b, tờ bản đồ số 27, tại địa chỉ: Thôn E, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Lê Văn V. Thời gian đầu ông trả nợ gốc và lãi theo định kỳ hàng tháng đầy đủ. Tuy nhiên sau đó ông gặp khó khăn về kinh tế, nên không tiếp tục trả được nợ theo thỏa thuận cho ngân hàng. Nay ngân hàng khởi kiện ông V xác nhận đang còn nợ Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết là đúng. Tuy nhiên vì lý do đang gặp khó khăn về kinh tế, nên ông V có ý kiến là xin ngân hàng tạo điều kiện cho ông về thời gian để thu xếp nguồn tiền trả nợ gốc, về tiền lãi suất xin ngân hàng tạo điều kiện miễn giảm lãi suất cho ông.

*Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, như sau:*

I. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội thẩm, Thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Bị đơn: Cơ bản đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án chưa chấp hành đầy đủ các quyết định của Tòa án.

II. Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 292, 293, 299, 317, 318, 319, 323, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm

2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 6 Điều 19, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Lê Văn V phải thực hiện toàn bộ các nghĩa vụ đối với Công ty cổ phần M1 và Ngân hàng V2, trả toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các hợp đồng nêu trên. Cụ thể:

+ Ông Lê Văn V phải thanh toán cho Công ty Cổ phần M1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 20/06/2025 là: 507.265.915 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 366.817.523 đồng, N lãi trong hạn: 47.908.281 đồng, N lãi quá hạn 66.488.439 đồng; Nợ thẻ tín dụng: 26.051.672 đồng.

+ Ông Lê Văn V phải thanh toán cho TMCP Việt Nam V1 (V2) tổng số tiền tạm tính đến ngày 20/06/2025 là: 53.468.251 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 40.757.503 đồng, N lãi trong hạn: 5.323.143 đồng, Nợ lãi quá hạn 7.387.605 đồng.

Tổng là 560.734.166 đồng.

2. Buộc ông Lê Văn V phải tiếp tục trả lãi theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên từ ngày 21/6/2025 cho đến khi ông V thanh toán hết khoản nợ cho Công ty cổ phần M1 và Ngân hàng V2.

3. Trường hợp ông Lê Văn V không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, MARS/VPBank có quyền yêu cầu cơ quan THA kê biên, phát mãi các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 26b, tờ bản đồ số 27, tại địa chỉ: Thôn E, Xã Q, Huyện T, Tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 069816, Sổ vào sổ cấp GCN: CH01666 do Ủy Ban Nhân Dân Huyện T, Tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 10/06/2016. Chi tiết Theo Hợp đồng thế chấp số LN2110114479630 Số công chứng 10225, quyển số 04/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 15/10/2021 tại Văn phòng C.

4. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của Công ty Cổ phần M1; Ngân hàng TMCP V1 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Bị đơn là ông Lê Văn V, cư trú tại thôn E, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét “Hợp đồng cho vay số LN2110114479630 ngày 15/10/2021; Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ1 ký ngày 06/10/2021” và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, thấy rằng: Các hợp đồng tín dụng trên được Ngân hàng TMCP V1 với ông Lê Văn Văn tự N1 ký kết, mục đích và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội. Do đó, “Hợp đồng cho vay số LN2110114479630 ngày 15/10/2021 và Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ1 ký ngày 06/10/2021” có hiệu lực pháp luật. Đây là cơ sở làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa hai bên.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

[3.1] Ông Lê Văn V ký kết với Ngân hàng TMCP V1, Chi nhánh T, phong giao dịch N2 02 hợp đồng tín dụng, cụ thể:

- Hợp đồng cho vay số LN2110114479630 ngày 15/10/2021, số tiền cho vay: 490.000.000 đồng. Thời hạn vay: 120 tháng. Lãi suất tại thời điểm giải ngân là: 8,5%/năm; Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn mở rộng/ phát triển kinh doanh buôn bán thức ăn chăn nuôi. Các kỳ trả nợ gốc: Bên vay phải trả nợ gốc định kỳ 1 tháng/lần vào ngày 15, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 15/11/2021, số tiền nợ gốc phải trả mỗi kỳ là 4.085.000 đồng, riêng kỳ cuối cùng trả 3.885.000 đồng; các kỳ nợ lãi: phải trả tiền lãi định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 15, kỳ trả lãi đầu tiên vào ngày 15/11/2021.

- Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ1 ký ngày 06/10/2021, hạn mức sử dụng thẻ 20.000.000 đồng.

Sau khi vay vốn, ông V mới chỉ trả nợ được số tiền là 163.563.663 đồng, Trong đó, trả nợ gốc: 82.424.974 đồng, trả nợ lãi: 81.138.689 đồng; ngày ông V thực hiện nghĩa vụ trả nợ cuối cùng là ngày 24/11/2023. Quá trình thực hiện hợp đồng, do ông V đã không trả nợ theo đúng cam kết tại hợp đồng, nên dẫn đến dư nợ của ông V đã chuyển nợ quá hạn.

Ngày 30/09/2024, Ngân hàng TMCP V1 (V2) và Công ty Cổ phần M1 (M1) đã ký các Hợp đồng mua bán nợ và Phụ lục đính kèm giữa Ngân hàng TMCP V1 (V2) với Công ty Cổ phần M1. Theo đó, V2 đồng ý bán và M đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng vay là ông Lê Văn V bao gồm các khoản nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng cho vay mà ông Lê Văn V đã ký kết với V2. Cụ thể:

- Một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo các Hợp đồng cho vay số LN2110114479630 ngày 15/10/2021.

- Toàn bộ (100%) khoản nợ phát sinh theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ1 ký ngày 06/10/2021.

Việc Ngân hàng TMCP V1 (V2) và Công ty Cổ phần M1 (M1) đã ký các Hợp đồng mua bán nợ và Phụ lục đính kèm là phù hợp với quy định pháp luật. Sau khi mua bán nợ thì Ngân hàng TMCP V1 (V2) và Công ty Cổ phần M1 (M1) đã nhiều lần đơn đốc thu hồi nợ, nhưng ông V vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo đúng yêu cầu. Tính đến ngày 20/6/2025 ông Lê Văn V hiện đang còn nợ Ngân hàng TMCP V1 (V2) và Công ty Cổ phần M1 (M1) tổng số tiền là: 560.734.166 đồng, Trong đó: Nợ gốc: 407.575.026 đồng, N lãi trong hạn: 53.231.424 đồng, N lãi quá hạn 73.876.044 đồng; Nợ thẻ tín dụng: 26.051.672 đồng. Do ông V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng giữa hai bên đã ký kết, nên việc Ngân hàng TMCP V1 (V2) và Công ty Cổ phần M1 (Mars) khởi kiện yêu cầu trả số tiền nợ gốc và tiền lãi còn lại, là có căn cứ theo quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), nên được chấp nhận.

[3.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP V1 (V2) và Công ty Cổ phần M1 (Mars) về việc buộc ông Lê Văn V phải thanh toán số tiền lãi phát sinh từ ngày 21/6/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ dư nợ vay theo thỏa thuận tại hợp đồng, là phù hợp với quy định tại Hợp đồng tín dụng và các quy định của pháp luật. Do đó, được chấp nhận.

[3.3] Đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP V1 (V2) và Công ty Cổ phần M1 (M1) được xử lý tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay của ông Lê Văn V, thấy rằng:

Khi ông V ký kết “Hợp đồng cho vay số LN2110114479630 ngày 15/10/2021 vay số tiền 490.000.000 đồng và ký kết Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ1 ký ngày 06/10/2021” với hạn mức sử dụng thẻ 20.000.000 đồng, để đảm bảo cho khoản vay thì ông V có thể chấp tại Ngân hàng TMCP V1 (V2) tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 26b, tờ bản đồ số 27, tại địa chỉ: Thôn E, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 069816, Sổ vào sổ cấp GCN: CH01666 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 10/06/2016. Theo Hợp đồng thế chấp số LN2110114479630 Số công chứng 10225, quyền số 04/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 15/10/2021 tại Văn phòng C. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. Như vậy, là phù hợp với quy định về “nghĩa vụ được đảm bảo” của Hợp đồng thế chấp và phù hợp với quy định của pháp luật. Xét Hợp đồng thế chấp được Ngân hàng TMCP V1 với ông Văn tự N1 ký kết, mục đích và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội; Hợp đồng được lập tại Văn phòng C

và được đăng ký thế chấp theo quy định. Như vậy, Hợp đồng thế chấp là hợp pháp và có hiệu lực pháp luật. Do đó, trong trường hợp ông V không thanh toán được nợ cho Ngân hàng TMCP V1 (V2) và Công ty Cổ phần M1 (M1) thì phải xử lý, phát mại tài sản thế chấp để thu nợ là cần thiết, có căn cứ theo quy định tại các Điều 292, 298, 299, 317 và 319 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/2/2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP V1 (V2) và Công ty Cổ phần M1 (M1).

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn là ông Lê Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí, nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 280, 292, 293, 298, 299, 317, 318, 319, 323, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào khoản 6 Điều 19, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

X:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V1 (V2) và Công ty Cổ phần M1 (M1).

- Buộc ông Lê Văn V có nghĩa vụ phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP V1 (V2) và Công ty Cổ phần M1 (Mars) theo “Hợp đồng cho vay số LN2110114479630 ngày 15/10/2021; Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ1 ký ngày 06/10/2021”, tổng số tiền nợ tính đến ngày 20/6/2025 là: 560.734.166, Trong đó: Nợ gốc: 407.575.026 đồng, N lãi trong hạn: 53.231.424 đồng, Nợ lãi quá hạn 73.876.044; Nợ thẻ tín dụng: 26.051.672 đồng. Cụ thể:

+ Ông Lê Văn V phải thanh toán cho Công ty Cổ phần M1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 20/06/2025 là: 507.265.915 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 366.817.523 đồng, N lãi trong hạn: 47.908.281 đồng, N lãi quá hạn 66.488.439 đồng; Nợ thẻ tín dụng: 26.051.672 đồng.

+ Ông Lê Văn V phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V1 (V2) tổng số tiền tạm tính đến ngày 20/06/2025 là: 53.468.251 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 40.757.503 đồng, N lãi trong hạn: 5.323.143 đồng, Nợ lãi quá hạn 7.387.605 đồng.

Kể từ ngày 21/6/2025 ông Lê Văn V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Lãi phát sinh phải trả cho Ngân hàng TMCP V1 (V2) và Công ty Cổ phần M1 (M) tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Tổ chức tín dụng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Tổ chức tín dụng cho vay.

- Trong trường hợp ông Lê Văn V không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP V1 (V2) và Công ty Cổ phần M1 (M1) được quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản bảo đảm cho khoản vay là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 26b, tờ bản đồ số 27, tại địa chỉ: Thôn E, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 069816, Số vào sổ cấp GCN: CH01666 do Ủy Ban nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 10/06/2016. Theo Hợp đồng thế chấp số LN2110114479630 Số công chứng 10225, quyền số 04/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 15/10/2021 tại Văn phòng C. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì ông Lê Văn V vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP V1 (V2) và Công ty Cổ phần M1 (M1).

2. Về án phí: Buộc ông Lê Văn V phải nộp 26.429.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V1 (V2) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.263.000 đồng và Công ty Cổ phần M1 (M1) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.483.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005333 ngày 24/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Minh Tiến**